

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỮ GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

TR
KI
TƯ
CÁ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch
Ông Cao Tấn Khương	Phó Chủ tịch
Ông Đào Vĩnh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Bà Tăng Thị Thu Lý	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Cao Tấn Khương	Giám đốc dự án
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Thanh Bình	Giám đốc nhà máy
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Giám đốc Ban dự án

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 08 năm 2012



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 2986/2012/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2012 từ trang 4 đến trang 25 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu việc phỏng vấn các nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các thông tin tài chính; và do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV
Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Lương Xuân Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1741/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.689.704.103	92.967.799.840
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.933.058.702	2.215.069.338
1. Tiền	111		1.933.058.702	2.215.069.338
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.409.647.310	21.123.941.771
1. Phải thu khách hàng	131		15.596.638.787	15.959.862.025
2. Trả trước cho người bán	132		5.865.104.693	6.329.543.953
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	588.043.519	1.474.675.482
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.640.139.689)	(2.640.139.689)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	61.555.687.961	64.836.986.239
1. Hàng tồn kho	141		61.650.559.728	64.931.858.006
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.871.767)	(94.871.767)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.791.310.130	4.791.802.492
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		357.955.326	10.140.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.178.980.862	2.952.771.047
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	2.254.373.942	1.828.891.445
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		307.486.338.354	298.723.219.040
II. Tài sản cố định	220		134.165.292.831	218.316.201.790
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	71.038.768.996	72.939.624.211
- Nguyên giá	222		90.015.444.567	89.237.802.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.976.675.571)	(16.298.178.061)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	7.565.327.842	7.661.346.874
- Nguyên giá	228		8.126.674.450	8.126.674.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(561.346.608)	(465.327.576)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	55.561.195.993	137.715.230.705
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	172.978.271.515	79.982.241.809
- Nguyên giá	241		175.035.961.857	80.300.312.065
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.057.690.342)	(318.070.256)
V. Tài sản dài hạn khác	260		342.774.008	424.775.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		342.774.008	424.775.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		396.176.042.457	391.691.018.880

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		227.887.720.015	231.915.086.055
I. Nợ ngắn hạn	310		94.414.950.481	75.639.369.079
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	51.660.624.502	40.540.696.934
2. Phải trả người bán	312		16.498.558.585	12.958.848.653
3. Người mua trả tiền trước	313		11.591.374.656	10.054.532.206
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.879.954.380	3.768.281.869
5. Phải trả người lao động	315		605.495.273	1.917.599.005
6. Chi phí phải trả	316		2.003.064.205	581.505.441
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	7.623.715.238	2.925.441.329
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.552.163.642	2.892.463.642
II. Nợ dài hạn	330		133.472.769.534	156.275.716.976
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.12	41.886.891.527	41.475.836.017
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	91.585.878.007	114.686.000.357
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	113.880.602
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.288.322.442	159.775.932.825
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	168.288.322.442	159.775.932.825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.835.610.000	82.835.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.407.837.000	53.407.837.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(140.603.351)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.559.991.134	3.559.991.134
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		624.928.244	624.928.244
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.859.956.064	19.488.169.798
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		396.176.042.457	391.691.018.880



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Văn Thông

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu	01	6.1	78.546.759.694	114.586.825.494
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.472.617.228	1.419.375.943
3. Doanh thu thuần	10	6.1	77.074.142.466	113.167.449.551
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	62.272.926.259	86.617.653.303
5. Lợi nhuận gộp	20		14.801.216.207	26.549.796.248
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	200.755.623	389.233.595
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.116.175.518	1.694.511.629
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.116.175.518	1.557.488.763
8. Chi phí bán hàng	24		1.714.823.586	2.379.644.034
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.785.788.717	2.424.023.446
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.385.184.009	20.440.850.734
11. Thu nhập khác	31		70.000.000	261.818.182
12. Chi phí khác	32		1.756.701.210	-
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	40		(1.686.701.210)	261.818.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.698.482.799	20.702.668.916
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.5	1.195.928.630	4.175.667.229
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.502.554.169	16.527.001.687
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	1.011	1.512



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	107.160.222.915	128.388.395.158
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(53.785.427.661)	(82.614.898.709)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.251.982.511)	(16.788.790.457)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.409.480.536)	(1.874.881.325)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(216.831.658)	(4.140.336.191)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.839.966.526	2.023.285.277
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(28.943.572.052)	(15.444.623.687)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.392.895.023	9.548.150.066
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.831.954.235)	(10.060.504.943)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	9.400.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.831.954.235)	(10.051.104.943)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	38.140.290.781	36.260.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(49.978.603.229)	(19.413.457.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(18.253.697.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.838.312.448)	(1.407.154.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(277.371.660)	(1.910.109.477)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.215.069.338	3.849.615.494
Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá hối đoái	61	(4.638.976)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.933.058.702	1.939.506.017



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 03 năm 2000 và các lần sửa đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.835.610.000 đồng. Tổng số cổ phần là 8.283.561 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; bán buôn chuyên doanh khác; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; sửa chữa thiết bị điện; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 cho mục đích công bố thông tin theo quy định hiện hành đối với các Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15 tháng 2 năm 2010.

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 tại Thuyết minh số 7.1.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	5 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí môi giới và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí môi giới bao gồm các chi phí môi giới căn hộ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh căn hộ, chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu đã thực hiện trên tổng số doanh thu kế hoạch.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)*Doanh thu căn hộ*

Đối với các căn hộ được bán trước khi việc xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn liên quan được ghi nhận theo tỉ lệ hoàn thành của công việc xây dựng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác định bởi khách hàng, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

01 / C / CH / E / M / V / A / QL / G

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỉ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Đối với khoản doanh thu bán căn hộ hình thành trong tương lai, trong năm 2010 Công ty xác định thu nhập chịu thuế bằng doanh thu bán căn hộ trừ chi phí liên quan và áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế này.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	6.538.886	71.789.477
Tiền gửi ngân hàng	1.926.519.816	2.143.279.861
Cộng	1.933.058.702	2.215.069.338

5.2 Các khoản phải thu khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	107.181.226	107.181.226
Lệ phí tòa án	12.017.526	12.017.526
Tiền đặt cọc thuê văn phòng tại quận 11, TP.HCM	60.000.000	60.000.000
Tiền lãi hợp tác kinh doanh	60.000.000	90.000.000
Khoản phải thu nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cơ khí Điện Lữ Gia	283.640.353	1.113.753.025
Phải thu khác	65.204.414	91.723.705
Cộng	588.043.519	1.474.675.482

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.467.810.419	1.839.730.700
Công cụ, dụng cụ	99.401.947	86.290.721
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.532.887.230	58.134.128.379
Thành phẩm	6.816.343.948	4.504.795.479
Hàng hóa	902.066.002	366.912.727
Cộng	59.818.509.546	64.931.858.006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(94.871.767)	(94.871.767)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	59.723.637.779	64.836.986.239

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9.000.000	2.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	2.245.373.942	1.826.891.445
Cộng	2.254.373.942	1.828.891.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.5 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	39.125.572.693	43.728.084.124	5.599.700.296	784.445.159	89.237.802.272
Mua mới trong kỳ	-	320.230.000	-	201.218.255	521.448.255
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	256.194.040	-	-	-	256.194.040
Tại ngày 30/06/2012	39.381.766.733	44.048.314.124	5.599.700.296	985.663.414	90.015.444.567
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	2.063.044.402	11.351.154.542	2.327.109.434	556.869.683	16.298.178.061
Khấu hao trong kỳ	400.852.374	1.932.828.716	287.938.604	56.877.816	2.678.497.510
Tại ngày 30/06/2012	2.463.896.776	13.283.983.258	2.615.048.038	613.747.499	18.976.675.571
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	<u>37.062.528.291</u>	<u>32.376.929.582</u>	<u>3.272.590.862</u>	<u>227.575.476</u>	<u>72.939.624.211</u>
Tại ngày 30/06/2012	<u>36.917.869.957</u>	<u>30.764.330.866</u>	<u>2.984.652.258</u>	<u>371.915.915</u>	<u>71.038.768.996</u>

Như trình bày tại Thuyết minh 5.9 và 5.13, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 2.868.006.234 đồng.

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2012	95.000.000	8.031.674.450	8.126.674.450
Tại ngày 30/06/2012	95.000.000	8.031.674.450	8.126.674.450
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2012	16.750.008	448.577.568	465.327.576
Khấu hao trong kỳ	4.750.002	91.269.030	96.019.032
Tại ngày 30/06/2012	21.500.010	539.846.598	561.346.608
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	<u>78.249.992</u>	<u>7.583.096.882</u>	<u>7.661.346.874</u>
Tại ngày 30/06/2012	<u>73.499.990</u>	<u>7.491.827.852</u>	<u>7.565.327.842</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.13, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất Dự án nhà máy cơ khí tại khu công nghiệp Nhơn Trạch để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị xây dựng dở dang của phần văn phòng và các hạng mục liên quan chưa hoàn thành của Dự án cao ốc phức hợp tại địa chỉ 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỬ GIA70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 06 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.8 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2012	80.300.312.065
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	94.735.649.792
Tại ngày 30/06/2012	<u>175.035.961.857</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2012	318.070.256
Khấu hao trong kỳ	1.739.620.086
Tại ngày 30/06/2012	<u>2.057.690.342</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2012	<u><u>79.982.241.809</u></u>
Tại ngày 30/06/2012	<u><u>172.978.271.515</u></u>

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	14.904.238.686	9.917.104.334
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Chợ Lớn	5.454.544.000	5.454.544.000
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch 1 TP.HCM	901.841.816	1.869.048.600
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	30.400.000.000	23.300.000.000
Cộng	<u><u>51.660.624.502</u></u>	<u><u>40.540.696.934</u></u>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ với số tiền tối đa là 15.000.000.000 đồng và đáo hạn vào ngày 22 tháng 7 năm 2012. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bến Thành tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất cho mỗi lần rút sẽ được trả vào ngày 26 hàng tháng. Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải và nhà xưởng, công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại địa chỉ 345-347 An Dương Vương, phường 11, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh 5.5).

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.858.488.558	3.748.623.683
Thuế thu nhập cá nhân	21.465.822	19.658.186
Cộng	<u><u>1.879.954.380</u></u>	<u><u>3.768.281.869</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỬ GIA70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 06 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.11 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả Công ty Cấp Thoát Nước Thành phố	451.242.467	451.242.467
Tiền lãi vay dài hạn phải trả Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	4.272.452.237	1.058.000.494
Khoản thưởng cho Ban điều hành Công ty	-	53.304.054
Phí bảo trì căn hộ	2.753.615.293	1.327.564.582
Phải trả khác	146.405.241	35.329.732
Cộng	<u>7.623.715.238</u>	<u>2.925.441.329</u>

5.12 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền ký quỹ, ký cược của khách hàng thuê Trung tâm thương mại, văn phòng Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (*)	4.004.675.510	3.593.620.000
Tiền lãi hợp tác kinh doanh phải trả cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn	25.000.000.000	25.000.000.000
	12.882.216.017	12.882.216.017
Cộng	<u>41.886.891.527</u>	<u>41.475.836.017</u>

(*) Đây là số tiền Công ty nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn để góp vốn hợp tác đầu tư xây dựng Dự án cao ốc phức hợp tại địa chỉ 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.13 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Chợ Lớn	5.357.285.062	8.084.557.062
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	55.483.000.000	75.600.000.000
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch 1 TP.HCM	-	255.850.350
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	30.745.592.945	30.745.592.945
Cộng	<u>91.585.878.007</u>	<u>114.686.000.357</u>

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng sau:

Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể chấp theo hợp đồng số D.D.0176.07/ HĐTD ngày 27 tháng 4 năm 2007. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay là bảy năm nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà máy cơ khí tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Lãi suất cho vay 0,95%/tháng được tính từ ngày nhận khoản nợ đầu tiên và cố định trong mười hai tháng đầu tiên, tháng thứ mười ba áp dụng theo hình thức thả nổi. Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất dự án, toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy tại khu công nghiệp Nhơn Trạch và giá trị máy móc thiết bị nhập ngoại và mua mới trong nước hình thành từ khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.13 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành theo hợp đồng tín dụng có thể chấp số 0259/TĐ/08CD ngày 10 tháng 4 năm 2008. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay là bảy năm nhằm tài trợ cho việc đóng tiền sử dụng đất của Dự án cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia là 100 tỷ đồng và thanh toán cho các chi phí phát sinh của dự án 50 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo lãi suất thực tế của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng chứng thư bảo lãnh thanh toán có hạn mức bảo lãnh 100 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH), một cổ đông lớn của Công ty. Khoản vay còn được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai tại vị trí của Dự án.

Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch 1 Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-200906376 ngày 24 tháng 8 năm 2009. Khoản vay nhằm mục đích mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, có thời hạn vay là 3 năm với thời gian ân hạn là 1 năm. Lãi suất theo công bố của Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam tại thời điểm và được điều chỉnh ba tháng một lần. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay này.

Khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh dùng cho mục đích xây dựng và kinh doanh Dự án cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia. Khoản vay này sẽ được hoàn trả bằng tiền hoặc bằng giá trị căn hộ tương đương.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	36.756.385.816	30.623.592.600
Trong năm thứ hai	66.502.878.007	38.740.407.412
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	25.083.000.000	61.145.592.945
Sau năm năm	-	14.800.000.000
Cộng	128.342.263.823	145.309.592.957
Trừ: số phải trả trong vòng mười hai tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	36.756.385.816	30.623.592.600
Số phải trả sau mười hai tháng	91.585.878.007	114.686.000.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	82.835.610.000	53.407.837.000	110.820.300	3.293.820.863	624.928.244	14.856.807.082	155.129.823.489
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	5.323.405.420	5.323.405.420
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	-	(251.423.651)	-	-	-	(251.423.651)
Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	-	-	-	-	-	-	-
Chia thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(159.702.162)	(159.702.162)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(266.170.271)	(266.170.271)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	266.170.271	-	(266.170.271)	-
Tại ngày 01/01/2012	82.835.610.000	53.407.837.000	(140.603.351)	3.559.991.134	624.928.244	19.488.169.798	159.775.932.825
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	5.502.554.169	5.502.554.169
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	-	140.603.351	-	-	-	140.603.351
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2010	-	-	-	-	-	2.869.232.097	2.869.232.097
Tại ngày 30/06/2012	82.835.610.000	53.407.837.000	-	3.559.991.134	624.928.244	27.859.956.064	168.288.322.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	16.770.000.000	16.770.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.065.610.000	66.065.610.000
Cộng	82.835.610.000	82.835.610.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.283.561	8.283.561
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.283.561	8.283.561
+ Cổ phiếu phổ thông	8.283.561	8.283.561
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.283.561	8.283.561
+ Cổ phiếu phổ thông	8.283.561	8.283.561
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bộ phận sản xuất và dịch vụ	28.803.662.381	15.914.649.149
Doanh thu bộ phận xây dựng	26.421.072.819	32.672.576.026
Doanh thu bán quyền kinh doanh căn hộ hình thành trong tương lai	23.322.024.494	65.999.600.319
	78.546.759.694	114.586.825.494
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	1.353.525.584	1.419.375.943
Giảm giá hàng bán	119.091.644	-
Cộng	77.074.142.466	113.167.449.551

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỬ GIA70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 06 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo***6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn bộ phận sản xuất và dịch vụ	20.114.364.247	13.451.285.116
Giá vốn bộ phận xây dựng	23.796.103.566	29.103.803.195
Giá vốn bán quyền kinh doanh căn hộ hình thành trong tương lai	18.362.458.446	44.062.564.992
Cộng	62.272.926.259	86.617.653.303

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.755.623	105.548.660
Lãi từ góp vốn liên doanh	180.000.000	180.000.000
Thu nhập từ thanh lý đầu tư vào công ty con	-	103.684.935
Cộng	200.755.623	389.233.595

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí lãi vay	2.116.175.518	1.557.488.763
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	137.022.866
Cộng	2.116.175.518	1.694.511.629

6.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.698.482.799	20.702.668.916
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	4.835.071.270	20.702.668.916
Lợi nhuận từ bán căn hộ	1.863.411.529	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh chính</i>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(180.000.000)	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<i>Hoạt động bán căn hộ</i>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(338.246.900)	4.000.000.000
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế		
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	4.655.071.270	16.702.668.916
Hoạt động bán căn hộ	1.525.164.629	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	1.545.058.975	4.175.667.229
Thuế TNDN được giảm (*)	349.130.345	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.195.928.630	4.175.667.229

(*) Đây là số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm được xác định theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012.

6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.502.554.169	16.527.001.687
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	2.869.232.097	
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	4.000.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.371.786.266	12.527.001.687
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.283.561	8.283.561
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.011	1.512

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.9 và 5.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày		Giá trị hợp lý	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và khoản tương đương tiền	1.933.058.702	2.215.069.338	1.933.058.702	2.215.069.338
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.184.682.306	17.434.537.507	13.544.542.617	14.794.397.818
Cộng	18.117.741.008	19.649.606.845	15.477.601.319	17.009.467.156
Công nợ tài chính				
Các khoản vay và nợ phải trả người bán và phải trả khác	143.246.502.509	155.226.697.291	143.246.502.509	155.226.697.291
Cộng	209.255.667.859	212.586.823.290	209.255.667.859	212.586.823.290

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 (ngoại trừ khoản trích lập dự phòng cho Nợ phải thu khó đòi theo quy định). Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	24.122.273.823	41.886.891.527	66.009.165.350
Các khoản vay	51.660.624.502	91.585.878.007	143.246.502.509
Cộng	75.782.898.325	133.472.769.534	209.255.667.859

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2012			
Tiền và khoản tương đương tiền	1.933.058.702	-	1.933.058.702
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.544.542.617	-	13.544.542.617
Cộng	15.477.601.319	-	15.477.601.319

7.2 Nghiệp vụ và các số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu từ hoạt động liên doanh với DNTN Thương mại Hoàng Phi	180.000.000	180.000.000
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	3.214.451.743	1.061.392.500
Nhận tiền vay dài hạn Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	-	36.260.000.000
Thanh toán tiền vay dài hạn cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII)	-	10.706.621.750
Lãi liên doanh trong kỳ phải chia cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII)	-	4.000.000.000
Thanh toán lãi liên doanh chia cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sài Gòn (SII)	-	5.000.000.000

7.2 Nghiệp vụ và các số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	4.272.452.237	1.058.000.494
Vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	30.745.592.945	30.745.592.945
Phải trả dài hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn	25.000.000.000	25.000.000.000
Lãi liên doanh phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sài Gòn	<u>12.882.216.017</u>	<u>12.882.216.017</u>
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
	VND	VND
Lương và thưởng	<u>445.267.273</u>	<u>330.166.000</u>

7.3. Sự kiện bất thường và sự kiện sau ngày khóa sổ

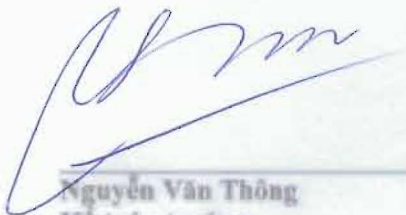
Không có bất cứ sự kiện bất thường và/hoặc sự kiện sau ngày khóa sổ nào, có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính đòi hỏi phải công bố và/hoặc điều chỉnh trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (đối với số liệu trên Bảng cân đối kế toán) và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 (đối với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được kiểm toán và soát xét.



Nguyễn Văn Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 08 năm 2012


 Nguyễn Văn Thông
 Kế toán trưởng